

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 05/02/2021
V/v “*T/c Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến.
2. Ông Nguyễn Công Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-DS ngày 12/10/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 (Và Quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2021/QĐST - DS ngày 19 tháng 01 năm 2021) giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn G, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: số 241/TL, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn G trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 17/9/2018 âm lịch nguyên đơn ông Phạm Văn G có cho bị đơn ông Đỗ Văn Q, bà Lê Thị H vay số tiền tổng cộng là 100.000.000đ để trả tiền ngân hàng và trang trải kinh tế, lãi suất đôi bên thỏa thuận 3%/tháng. Sau khi vay tiền phía bị đơn chỉ đóng lãi cho ông G được 01 tháng tiền lãi rồi không đóng lãi cũng

không trả cho ông G được phần tiền gốc nào. Đã nhiều lần ông G yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả lại tiền vay cho ông G nhưng vợ chồng ông Q, bà H vẫn cố tình né tránh. Vì vậy, ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà H liên đới trả lại cho ông G số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi số tiền đã vay tính từ khi vay tiền đến khi Tòa xét xử (tính theo tháng), mức lãi suất theo qui định của pháp luật 10%/năm, thời gian tính tiền từ ngày 17/10/2018 âm lịch đến ngày 17/12/2020 âm lịch.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Văn Q và bà Lê Thị H nhưng ông Q, bà H không tham gia tố tụng và tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn Q và bà Lê Thị H nhưng ông Q, bà H không tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông Q, bà H vẫn vắng mặt (không lý do). Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Q, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét việc nguyên đơn ông G yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông G số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi số tiền đã vay tính từ khi vay tiền đến khi Tòa xét xử (tính theo tháng) với mức lãi suất theo qui định của pháp luật 10%/năm, thời gian tính tiền từ ngày 17/10/2018 âm lịch đến ngày 17/12/2020 âm lịch, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 của UBND xã B đối với ông Đỗ Văn Q và biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 của UBND xã B về việc tranh chấp của ông Q và ông G thì ông Q hoàn toàn thừa nhận ông và vợ là bà H có mượn của ông G số tiền là 100.000.000 đồng vào năm 2018 âm lịch.

[2.2]. Tại biên bản hòa giải xã B ông Q cho rằng trước khi vay tiền ông G có thiếu ông 02 cây vàng không được ông G thừa nhận và cũng không có căn cứ chứng minh. Việc ông Đỗ Văn Q, bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt Văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Q, bà H không làm bản tự khai nộp cho Tòa thể hiện ý kiến phản hồi của ông Q, bà H đối với các yêu cầu và căn cứ nguyên đơn ông G khởi kiện và không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa xem như ông Q, bà H tự tước bỏ quyền phản bác ý kiến đối với các yêu cầu và căn cứ của phía nguyên đơn ông G.

Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 357, 463, 466, 469

Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G về việc tranh chấp hợp đồng vay:

Buộc ông Qu và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Yêu cầu trả tiền lãi của ông G đối với ông Q, bà H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trên cơ sở đó số tiền lãi bà H, ông Q có nghĩa vụ trả cho ông G là $(100.000.000đ \times 10\%) / 12 \times 26$ tháng (tính từ ngày 17/10/2018 âm lịch đến 17/12/2020 âm lịch) = 21.666.666đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc lãi ông Q, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G là 121.666.666đ (Một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đỗ Văn Q, bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp là 6.083.333đ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn G về việc tranh chấp hợp đồng vay. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn Q, bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Phạm Văn G số tiền vay là 121.666.666đ (Một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền lãi là 21.666.666đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn ông Đỗ Văn Q, bà Lê Thị H nộp số tiền án phí: 6.083.333đ (Sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Phạm Văn G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002766 ngày 24/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rễn

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Trung Hà Thị Dung

Nguyễn Thị Rễn

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án, đề yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nghị án kết thúc lúc giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Trung Hà Thị Dung

Nguyễn Thị Rễn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thị Rẻn**